

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **310/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/5/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hạnh

2. Bà Đỗ Thị Sỹ Long

Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Minh Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Bích Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 580/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2022/QĐST ngày 25/4/2022.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Số 52 ngõ 84 N, phường G, quận B, thành phố H; Nơi ở: P404 T32 V, phường L, quận B thành phố H. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Số 52 ngõ 84 N, phường G, quận B, thành phố H; Nơi ở: P404 T32 V, phường L, quận B, thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện P, tỉnh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Chị Nguyễn Thị Ngọc L xác định không còn tình cảm vợ chồng, khả năng đoàn tụ là không có, gia đình không có

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có 03 con chung là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009; Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 và Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015. Chị Nguyễn Thị Ngọc L có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015. Anh Tùng sẽ nuôi 02 con là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng cho nhau.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải anh Hoàng Xuân T trình bày:

- Về tình cảm: Anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị Ngọc L có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện P, tỉnh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng anh chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống, không trầm trọng như chị Lan đã trình bày. Anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Anh Hoàng Xuân T vẫn còn tình cảm với vợ, đồng thời cũng muốn các con được sống cùng với bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị Ngọc L có 03 con chung là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009; Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 và Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015. Trong trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả 03 con vì thực tế anh đang trực tiếp nuôi 03 con, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị Ngọc L tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Anh Hoàng Xuân T và chị Nguyễn Thị Ngọc L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành ghi ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc L – Tổ trưởng tổ dân phố số 9 phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Bà Lan cung cấp thông tin liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng chị Lan, anh Tùng như sau: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T trong thời gian sinh sống tại P404 T32 V, phường L, quận B, thành phố H có mâu thuẫn vợ chồng hay không tổ dân phố không biết vì không thấy biểu hiện mâu thuẫn ra bên ngoài. Việc chị L xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Xuân T. Chị L giữ nguyên các yêu cầu về con chung, về tài sản chung và nhà ở chung, về nợ chung như đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Xuân T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh T đã có ý kiến thể hiện rõ quan điểm của mình đối với việc chị L xin ly hôn. Tuy nhiên anh Tùng vắng mặt tại lần thứ 2 tại phiên tòa.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Đối với đương sự, Nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L. Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Hoàng Xuân T. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L về việc nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao 02 con là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 52 ngõ 84 N, phường G, quận B, thành phố H và nơi ở: P404 T32 V, phường L, quận B, thành phố H. Vì vậy, Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2008 tại

Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện P, tỉnh T. Trong thời gian chung sống chị L khẳng định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn của chị L và anh T đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ. Anh T khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không đến mức trầm trọng như quan điểm của chị L. Tuy nhiên, anh T và chị L đều thừa nhận vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung thủy thương yêu nhau, tôn trọng danh dự và uy tín cho nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Rõ ràng cuộc hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T không đạt được mục đích đó. Chị L và anh T đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài từ năm 2020 đến nay. Hiện tại, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, chị L làm đơn xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có 03 con chung là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009; Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 và Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015. Chị L có nguyện vọng nuôi 01 con chung là cháu Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015, anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị L và anh T đều có đủ điều kiện như nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L về việc nuôi con. Giao con Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao 02 con là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà ở và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 228; Điều 267; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 71; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Hoàng Xuân T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có 03 con chung là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009; Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 và Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015. Giao 02 con chung là Hoàng Tùng L, sinh ngày 27/11/2009 và Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/12/2011 cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Hoàng Nhật A, sinh ngày 11/04/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho nhau.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về khoản nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Hoàng Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0067576 ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Ngọc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Xuân T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Ba Đình, TPHN;
- UBND thị trấn H, huyện P, tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Tm. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Ngọc Liên

